

Bản án số: **340/2022/HS-PT**

Ngày: 31 - 8 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thanh Hà**

Thẩm phán: Ông **Võ Văn Toàn**

Ông **Nguyễn Trung Hưng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thủy Tiên** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Trung Kiên** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 221/2022/TLPT-HS ngày 07 tháng 6 năm 2022 đối với các bị cáo Bùi Ngọc M và Đoàn Thị Kim T, Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 86/2022/HS-ST 29/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện N.

Bị cáo có kháng cáo:

1. **Bùi Ngọc M**, sinh năm 1982 tại tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Ấp 3, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Thanh Q và bà Lê Thị Gái N; có chồng là Nguyễn Văn T1 (đã ly hôn) có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2011; tiền sự: Không; tiền án: Theo Bản án số: 88/2020/HS-ST ngày 27/8/2020, của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xử phạt số tiền 25.000.000 đồng về tội Đánh bạc. Đến ngày 06/7/2021 mới chấp hành xong bản án; bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/7/2021 đến ngày 21/7/2021.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. **Đoàn Thị Kim T**, sinh năm 1976 tại tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Ấp G, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông

(không rõ nhân thân) và bà Đoàn Thị C; có chồng là Huỳnh Văn H, có 03 con, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2000, tiền sự: Không; tiền án: Theo Bản án số 50/2015/HS-ST ngày 10/04/2015 của Tòa án nhân dân huyện N xử phạt bị cáo 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999. Ngày 10/4/2016, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt chính. Đến ngày 21/12/2021, bị cáo T mới chấp hành xong các nghĩa vụ khác trong bản án; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/7/2021 đến ngày 15/7/2021.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:

Nguyễn Thị Tuyết M1, Nguyễn Văn T2, Trần Thị H1, Lê Văn Minh N1, Huỳnh Thanh L, Trịnh Minh T3, Trần Thị Kim T4, Trần Kim K, Nguyễn Thị M2, Lê Thị B và Phạm Thị C1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 5/2021 đến tháng 7/2021, Nguyễn Thị Tuyết M1 đã 03 lần bàn bạc với Nguyễn Văn T2 để tổ chức đánh bạc nhằm mục đích thu tiền xâu. Cụ thể như sau: lần thứ nhất T2 giới thiệu cho M1 địa điểm tổ chức đánh bạc tại khu vực ao cá sấu thuộc xã P, huyện N, tại đây M1 tìm và liên lạc với các con bạc (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đến địa điểm để đánh bạc, M1 đã thu được số tiền xâu 1.000.000 đồng và M1 đã trả tiền công kiếm địa điểm cho T2 500.000 đồng. Lần thứ 2: Vào khoảng cuối tháng 6/2021 M1 tiếp tục nhờ T2 tìm địa điểm để tiếp tục tổ chức đánh bạc nên T2 gọi điện cho Trần Thị H1 để hỏi mượn nhà chị H1 thuộc ấp P, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai để làm địa điểm tổ chức, tại đây M1 liên lạc với các con bạc (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đến để tham gia đánh bạc. M1 thu được 3.000.000 đồng tiền xâu, Nguyễn Thị Tuyết M1 đã trả tiền công cho Nguyễn Văn T2 500.000 đồng tiền T2 tìm địa điểm tổ chức đánh bạc và trả 1.500.000 đồng cho H1 tiền thuê địa điểm để tổ chức đánh bạc. Đến ngày 05/7/2021, Nguyễn Thị Tuyết M1 tiếp tục có ý định tổ chức đánh bạc tại địa bàn xã P, huyện N nên M1 gọi điện cho T2 để nhờ T2 chọn địa điểm cho M1 tổ chức đánh bạc. T2 đồng ý và đã chọn địa điểm tại vườn trà xã P, nhưng do M1 sợ trời mưa nên M1 đã gọi điện cho H1 để mượn nhà H1 để làm địa điểm tổ chức đánh bạc, H1 đồng ý. Sau khi thống nhất được địa điểm M1 gọi điện cho các con bạc Bùi Ngọc M, Lê Văn Minh N1, Đoàn Thị Kim T,

Trần Thị Kim T4, Lê Thị B, Phạm Thị C1, Trần Kim K, Nguyễn Thị M2, Trịnh Minh T3, Huỳnh Thanh L đến địa điểm để tham gia đánh bạc được thua bằng tiền. Hình thức đánh bạc là đánh bài cào 3 lá tính điểm cụ thể như sau: người làm cái sẽ dùng một bộ bài tây 52 lá chia cho một tụ 03 lá, các con bạc sẽ cộng điểm lại, điểm thấp nhất là bù (tức là 10), điểm cao nhất là 9, bài lớn nhất là ba cào (có nghĩa là ba con bài tây) tỷ lệ được thua là 1:1 (đặt bao nhiêu thắng bấy nhiêu và ngược lại). Các con bạc làm cái xoay vòng mỗi người 02 ván, ai không muốn làm cái thì chuyển cho người kế tiếp. Khi người làm cái thắng 2 ván liên tục thì Nguyễn Thị Tuyết M1 đứng ra thu tiền xâu 50.000 đồng. Các con bạc đánh bạc với nhau cụ thể như sau:

Bùi Ngọc M mang theo số tiền 65.000.000 đồng sử dụng hết vào đánh bạc, làm cái được khoảng 03 ván. Khi bị lực lượng Công an bắt thì đang hòa tiền, không thắng không thua. Lúc bị bắt thu giữ trên tay M số tiền 65.000.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc và 01 điện thoại di động hiệu Samsung.

Lê Văn Minh N1 mang theo số tiền 11.000.000 đồng sử dụng hết vào đánh bạc, làm cái 03 ván có ván thắng và có ván thua. Khi bị lực lượng Công an bắt thì đang thua hết số tiền 10.100.000 đồng. Lúc bị bắt thu giữ trên tay N1 số tiền 900.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc và 01 điện thoại di động Oppo, 01 xe mô tô hiệu Exciter biển kiểm soát 60C2-617.42.

Trần Kim K mang theo số tiền 4.400.000 đồng sử dụng hết vào đánh bạc, đặt cược được khoảng 10 ván, thua hết số tiền 4.000.000 đồng. Khi bị bắt lực lượng Công an thu giữ 400.000 đồng còn lại đang đặt tại chiếu bạc, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S.

Nguyễn Thị M2 mang theo số tiền 2.000.000 đồng sử dụng hết vào việc đánh bạc, đặt cược được khoảng 07 ván, thua hết số tiền 500.000 đồng, còn số tiền 1.500.000 đồng đem theo đánh bạc đã làm rơi khi bỏ chạy.

Đoàn Thị Kim T mang theo số tiền 10.000.000 đồng, nhưng chỉ sử dụng 1.000.000 đồng vào đánh bạc, tham gia nhiều ván và bị thua hết số tiền 1.000.000 đồng. Khi bị bắt lực lượng Công an thu giữ trên tay T số tiền 9.000.000 đồng không sử dụng để đánh bạc và 01 xe mô tô hiệu Janus biển kiểm soát 60C2-643.31.

Trịnh Minh T3 mang theo số tiền 7.600.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 2.600.000 đồng để đánh bạc, tham gia đặt cược 05 ván, thắng số tiền 400.000 đồng. Khi bị bắt, Cơ quan Công an thu giữ của T3 số tiền 8.000.000 đồng trong đó 3.000.000 đồng sử dụng vào đánh bạc và 5.000.000 đồng không dùng vào đánh bạc.

Trần Thị Kim T4 mang theo số tiền 1.500.000 đồng sử dụng vào đánh bạc, tham gia đánh bạc nhiều ván, thắng được số tiền 850.000 đồng. Khi bị bắt, Cơ quan Công an thu giữ trên tay T4 số tiền 2.350.000 đồng dùng vào đánh bạc.

Lê Thị B mang theo số tiền 200.000 đồng, tham gia đặt cược 02 ván, thua hết số tiền 200.000 đồng, thì bị Cơ quan Công an bắt quả tang.

Phạm Thị C1 mang theo số tiền 200.000 đồng, tham gia đặt cược 02 ván, thua hết số tiền 200.000 đồng, thì bị Cơ quan Công an bắt quả tang.

Huỳnh Thanh L mang theo số tiền 4.000.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, tham gia đặt cược 03 ván và tham gia làm cái 02 ván và bị thua hết số tiền 4.000.000 đồng. Sau khi thua hết số tiền trên thì L ngồi xem mọi người đánh. Khi Cơ quan Công an đến bắt quả tang thì L đã bỏ chạy thoát.

Đến 17 giờ 30 phút ngày 05/7/2021, khi các con bạc đang đánh bạc với nhau thì bị Công an tỉnh Đồng Nai phát hiện bắt quả tang, M1 đã thu được 800.000 đồng tiền xu và để tại chiếu bạc khi bị bắt. Cơ quan Công an thu giữ tại chiếu bạc 23.400.000 đồng dùng đánh bạc, thu giữ trong người con bạc số tiền 88.750.000 đồng gồm: 71.250.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc (gồm 65.000.000 đồng của Bùi Ngọc M, 900.000 đồng của Lê Văn Minh N1, 3.000.000 đồng của Trịnh Minh T3, 2.350.000 đồng của Trần Thị Kim T4) và 17.500.000 đồng không sử dụng vào việc đánh bạc (gồm: 9.000.000 đồng của Đoàn Thị Kim T; 5.000.000 đồng của Trịnh Minh T3; 3.500.000 đồng của Nguyễn Văn T2). Ngoài ra còn thu giữ 06 bộ bài tây, loại 52 lá là công cụ dùng đánh bạc. Công an tỉnh Đồng Nai lập hồ sơ ban đầu chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N xử lý theo thẩm quyền. Tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 96.150.000 đồng (gồm 23.400.000 đồng thu tại chiếu bạc, 71.250.000 đồng thu trên người các con bạc dùng đánh bạc và 1.500.000 đồng dùng đánh bạc của Nguyễn Thị M2 đã làm rơi khi bỏ chạy).

Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội tổ chức đánh bạc và đánh bạc của các bị can là do bản thân các bị can không có nghề nghiệp ổn định, các bị can có sở thích và đam mê cờ bạc, lười lao động nhưng muốn có tiền nhanh chóng tiêu xài nên đã thực hiện hành vi tổ chức đánh bạc, đánh bạc.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bùi Ngọc M, Đoàn Thị Kim T phạm tội thuộc trường hợp tái phạm.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị can Bùi Ngọc M, Đoàn Thị Kim T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Tang vật thu giữ:

Số tiền 23.400.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc sử dụng vào việc đánh bạc; 06 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng.

Số tiền 88.750.000 đồng gồm: 71.250.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc (gồm 65.000.000 đồng của Bùi Ngọc M, 900.000 đồng của Lê Văn Minh N1, 3.000.000 đồng của Trịnh Minh T3, 2.350.000 đồng của Trần Thị Kim T4) và 17.500.000 đồng không sử dụng vào việc đánh bạc (gồm: 9.000.000 đồng của Đoàn Thị Kim T; 5.000.000 đồng của Trịnh Minh T3; 3.500.000 đồng của Nguyễn Văn T2).

Số tiền 1.500.000 dùng đánh bạc của Nguyễn Thị M2 đã làm rơi khi bỏ chạy nên không thu giữ được.

B điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động hiệu ACE màu đen thu giữ của Trần Thị Kim T4; 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đen thu giữ của Phạm Thị C1; 01 điện thoại di động hiệu Oppo A3S màu tím thu giữ của Trần Thị Hoa; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen thu giữ của Bùi Ngọc M; 01 điện thoại hiệu Oppo màu xanh đen thu giữ của Lê Văn Minh N1; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S thu giữ của Trần Kim K; 01 điện thoại di động hiệu Samsung A02S màu đen thu giữ của Trịnh Minh T3 không dùng vào việc đánh bạc.

Một điện thoại di động hiệu Oppo màu xanh thu giữ của Nguyễn Thị Tuyết M1; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen thu giữ của Trần Thị H1 dùng vào việc phạm tội.

Một xe mô tô hiệu Exciter màu đen, biển kiểm soát 60C2-617.42 thu giữ của Lê Văn Minh N1; 01 xe mô tô hiệu Yamaha Janus, biển kiểm soát 60C2-643.31 thu giữ của Đoàn Thị Kim T không sử dụng vào việc đánh bạc.

Số tiền 1.500.000 đồng thu giữ của Trần Thị H1, có được do thu L bắt chính từ việc cho thuê địa điểm đánh bạc.

Số tiền 1.000.000 đồng thu giữ của Nguyễn Văn T2, số tiền thu L bắt chính từ việc tìm địa điểm đánh bạc cho Nguyễn Thị Tuyết M1.

Tại Bản án sơ thẩm số 86/2022/HS-ST ngày 29/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện N đã tuyên xử:

Căn cứ Điều 326, 327, 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M1, Nguyễn Văn T2 và Trần Thị H1 phạm tội “tổ chức đánh bạc”; các bị cáo Bùi Ngọc M, Đoàn Thị Kim T, Lê Văn Minh N1, Huỳnh Thanh L, Trịnh Minh T3, Trần Thị Kim T4, Trần Kim K, Nguyễn Thị M2, Lê Thị B và Phạm Thị C1 phạm tội “Đánh bạc”;

Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 322; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M1 1 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giam từ ngày 06/7/2021 đến ngày 02/8/2021.

Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 322; Điều 17; Điều 35; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Trần Thị H1 50.000.000 đồng (năm mươi triệu).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 50.000.000 đồng (năm mươi triệu).

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; Điều 17; Điều 38; Điều 58; khoản 2 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Bùi Ngọc M 3 (ba) năm 2 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giam từ ngày 06/7/2021 đến ngày 21/7/2021.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt Đoàn Thị Kim T 3 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giữ từ ngày 06/7/2021 đến ngày 15/7/2021.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 56; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt Trịnh Minh T3 1 (một) năm tù. Tổng hợp hình phạt với Bản án số: 64/2021/HS-PT ngày 02/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt bị cáo Trịnh Minh T3 14 tháng tù về tội đánh bạc. Buộc bị cáo Trịnh Minh T3 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 2 (hai) năm 2 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/7/2021, nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giam của bản án trước từ ngày 13/01/2020 đến ngày 03/02/2021.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt Trần Thị Kim T4 1 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giam từ ngày 06/7/2021 đến ngày 02/8/2021.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt Lê Văn Minh N1 1 (một) năm 6 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 3 (ba) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo N1 cho UBND xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt Huỳnh Thanh L 1 (một) năm 2 (hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 2 (hai) năm 4 (bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo L cho UBND xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt hoặc thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại Điều 87 và khoản Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; Điều 17; Điều 35; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt Trần Kim K 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu).

Xử phạt Nguyễn Thị M2 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu).

Xử phạt Lê Thị B 20.000.000 đồng (hai mươi triệu).

Xử phạt Phạm Thị C1 20.000.000 đồng (hai mươi triệu).

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 94.650.000 đồng, số tiền 1.500.000 đồng của bị cáo Trần Thị H1 và số tiền 1.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn Văn T2.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M1 giao nộp số tiền 1.500.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu xanh của bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M1; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen của bị cáo Trần Thị H1.

Tịch thu tiêu hủy 06 bộ bài tây, loại 52 lá.

Trả lại cho bị cáo Trịnh Minh T3 số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 102.150.000 đồng mà Cơ quan cảnh sát điều tra đã nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện N để đảm bảo việc thi hành án

Vật chứng trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện N đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng và giấy nộp tiền ngày 31/12/2021 tại Ngân hàng Vietinbank cùng ngày 31/12/2021.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 06/5/2022, bị cáo Đoàn Thị Kim T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 10/5/2022, bị cáo Bùi Ngọc M kháng cáo cho rằng 50.000.000đ không sử dụng vào đánh bạc mà là tiền đem theo để lo việc gia đình và xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Bùi Ngọc M và Đoàn Thị Thanh T vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích về tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đã kết luận, đủ căn cứ xác định bản án hình sự sơ thẩm xét xử bị cáo Bùi Ngọc M, Đoàn Thị Kim T phạm tội “đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), là có căn cứ pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo kháng cáo trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận để xem xét giải quyết.

- Về nội dung kháng cáo của bị cáo Bùi Ngọc M: Bị cáo kháng cáo cho rằng trong số tiền 65.000.000đ có 50.000.000đ không dùng đánh bạc và bị Công an đánh nên bị cáo khai dùng 65.000.000đ đánh bạc là không có căn cứ, không có chứng cứ gì để chứng minh, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội phạm và tái phạm, Tòa án sơ thẩm xét xử với tội danh và mức hình phạt là có căn cứ, bị cáo không xuất trình thêm chứng cứ nào mới nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo.

Về nội dung kháng cáo của bị cáo Đoàn Thị Kim T: Bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo là không có căn cứ, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội phạm và

tái phạm, Tòa án sơ thẩm xét xử với tội danh và mức hình phạt là có căn cứ, bị cáo không xuất trình thêm chứng cứ nào mới nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng các bị cáo đã ăn năn hối hận về hành vi của mình và đều xin Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, hai bị cáo Bùi Ngọc M và Đoàn Thị Kim T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời K i của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với mô tả và nhận định trong kết luận điều tra, cáo trạng và bản án của cấp sơ thẩm, cụ thể:

Bùi Ngọc M và Đoàn Thị Kim T có 01 tiền án về tội “Đánh bạc”: Cụ thể Mai mang theo 65.000.000đ sử dụng hết vào đánh bạc, làm cái được 03 ván, khi bị bắt thì đang hòa tiền không thắng, không thua. T mang theo 10.000.000 đồng và sử dụng 1.000.000đ vào đánh bạc. Bị cáo M cho rằng lời khai tại cơ quan điều tra bị cáo thừa nhận đánh bạc vì bị Công an tỉnh Đồng Nai đánh nên khai như vậy, tuy nhiên xem xét các bản ghi lời khai từ Công an xã P và Công an huyện N cho thấy bị cáo Bùi Ngọc M đều khai nhận mang theo số tiền 65.000.000đ và sử dụng vào đánh bạc, bị cáo cho rằng bị cơ quan điều tra đánh nên khai là mang 65.000.000đ để đánh bạc nhưng thực chất chỉ dùng đánh bạc 15.000.000đ còn 50.000.000đ là để trong túi áo xét thấy lời trình bày của bị cáo là không có chứng cứ chứng minh, xét thấy bị cáo M đã có tiền án về tội đánh bạc chưa được xóa án tích nên Tòa án sơ thẩm xét xử với tội danh và mức hình phạt là có căn cứ, bị cáo không xuất trình thêm chứng cứ nào mới.

Đối với bị cáo T kháng cáo xin hưởng án treo là không có căn cứ, bởi hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), bị cáo T cũng đã có tiền án chưa được xóa án tích nhưng lại tái phạm nên là phạm vào tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tòa án sơ thẩm đã xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Bùi Ngọc M và Đoàn Thị Thanh T là lao động chính, bị cáo M có con nhỏ, bị cáo T học văn thấp nên có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên Tòa sơ thẩm cho bị cáo M và T

hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng mức hình phạt tù đối với các bị cáo Bùi Ngọc M và Đoàn Thị Thanh T để cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội là đúng người đúng tội và không nặng như kháng cáo của bị cáo M, T. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo M và T không xuất trình được các tình tiết mới chứng minh cho kháng cáo của mình nên không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

Các phần khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo M và T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 355, 356 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Ngọc M, Đoàn Thị Kim T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 86/2022/HS-ST ngày 29/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện N.

Tuyên bố bị cáo các bị cáo Bùi Ngọc M, Đoàn Thị Kim T phạm tội “Đánh bạc”;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; Điều 17; Điều 38; Điều 58; khoản 2 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Bùi Ngọc M 3 (ba) năm 2 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giam từ ngày 06/7/2021 đến ngày 21/7/2021.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt Đoàn Thị Kim T 3 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giữ từ ngày 06/7/2021 đến ngày 15/7/2021.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Bùi Ngọc M, Đoàn Thị Kim T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND T. Đồng Nai;
- TAND huyện N ;
- Chi cục THADS huyện N ;
- Công an huyện N ;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Thị Thanh Hà